

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST

Ngày: 06- 9-2022.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Cường và ông Nguyễn Thanh Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-KDTM ngày 08 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-DS, ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S; địa chỉ trụ sở chính: Số AA đường T, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Số SS đường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quang H, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Quang T - Giám đốc chi nhánh H (theo Giấy ủy quyền số 07/2022/VBUQ-NGÂN HÀNG S ngày 10/01/2022); Ông T ủy quyền cho ông Huỳnh Anh T1 và bà Cao Thị Minh D tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 25/8/2022), bà D, ông T có mặt.

- Bị đơn: Công ty T; địa chỉ: Số DD đường T, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Bà Nguyễn Thị V, chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1955 và bà Lê Thị L, sinh năm 1965, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị N2, anh Đặng Văn K; cùng địa chỉ: Tổ D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2021, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày như sau:

Ngân hàng S chi nhánh Huế và Công ty T có ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 362/2019/HĐHM-PN/NGÂN HÀNG S.120600 ngày 23/09/2019. Giá trị hạn mức tín dụng: 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng chẵn). Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh (đại lý bia, nước đóng chai..). Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng (từ ngày 23/09/2019 đến ngày 23/09/2020). Thời hạn của khoản vay: Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức tín dụng được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ nhưng tối đa 06 (sáu) tháng; Lãi suất vay: Lãi suất vay trong hạn: được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ; Lãi chậm trả: Trường hợp bên vay không thanh toán lãi đúng hạn, thì bên vay phải trả lãi chậm trả cho bên cho vay theo mức lãi suất chậm trả quy định của bên cho vay tại thời điểm chậm trả lãi nhưng không vượt quá 10%/năm và được tính trên số dư chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi; Lãi suất áp dụng đối với nợ gốc quá hạn: Trường hợp khoản vay bị chậm thanh toán nợ gốc đến hạn, bên vay phải trả lãi trên dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn thanh toán và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc.

Để đảm bảo cho các khoản tiền vay trên, NGÂN HÀNG S, Công ty T và vợ chồng ông Đặng Văn Đ và bà Lê Thị L đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 376/2017/HĐTC-BTB/NGÂN HÀNG S.120600 ngày 12/09/2017, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL 01-376/2017/HĐTC-BTB/NGÂN HÀNG S.120600 ngày 08/09/2018, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL 02-376/2017/HĐTC-BTB/NGÂN HÀNG S.120600 ngày 23/09/2019, được công chứng tại phòng công chứng An Phú Gia - tỉnh Thừa Thiên Huế, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hương Thủy ngày 12/09/2017. Tài sản thế chấp là thửa đất số HH, tờ bản đồ số KK, diện tích 357,7m² đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CG 316693, số vào sổ cấp GCN: CS00470 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 06/09/2017 cho ông Đặng Văn Đ và bà Lê Thị L.

Công ty T đã rút vốn vay tại NGÂN HÀNG S tổng cộng số tiền là: 650.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn) thể hiện qua Khế ước nhận nợ số 01-362/2019/HĐHM-PN/NGÂN HÀNG S.120600 ngày 31/03/2020.

Quá trình vay vốn, Công ty T đã trả cho NGÂN HÀNG S tổng số tiền gốc là 584.281.520 đồng, trong đó số tiền gốc 431.522.180 đồng và tiền lãi 152.759.340 đồng, số còn lại, Công ty T vẫn chưa trả cho Ngân hàng.

Ngày 30/9/2021, Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện việc trả nợ theo định kỳ như hợp đồng đã ký kết, NGÂN HÀNG S đã thông báo và làm việc rất nhiều lần với khách hàng vay và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bằng các biên bản làm việc, giấy mời để yêu cầu giải quyết trả nợ gốc và lãi nêu trên nhưng đến nay khách hàng vẫn không trả nợ, đồng thời NGÂN HÀNG S cũng đã gửi thông báo xử lý tài sản thế chấp nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không hợp tác để bàn giao tài sản.

Do đó, NGÂN HÀNG S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T phải thanh toán cho NGÂN HÀNG S số tiền tổng gốc và lãi tính đến ngày 06/9/2022 là 268.048.472đồng, trong đó: tiền gốc là 218.477.820đồng, tiền lãi: 49.570.652đồng và toàn bộ số tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất quá hạn, quy định tại Hợp đồng tín dụng số 362/2019/HĐHM-PN/NGÂN HÀNG S.120600 ngày 23/09/2019 đã ký với NGÂN HÀNG S từ ngày 07/9/2022 cho đến khi Công ty T thanh toán xong hết toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp Công ty T không trả được nợ cho NGÂN HÀNG S, đề nghị xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn, bà Nguyễn Thị V trình bày: Công ty T có vay tiền tại NGÂN HÀNG S như phía nguyên đơn trình bày, số tiền là 650.000.000đ. Quá trình vay vốn Công ty T đã trả được một phần. Hiện nay, Công ty T còn nợ và đồng ý trả nợ theo số tiền mà NGÂN HÀNG S yêu cầu. Tuy nhiên, hiện nay, Công ty T đang gặp khó khăn nên chưa có tiền để trả cho ngân hàng. Đối với tài sản thế chấp, bà V thừa nhận, bà và NGÂN HÀNG S, ông Đặng Văn Đ và bà Lê Thị L có ký hợp đồng thế chấp thửa đất số HH, tờ bản đồ số KK, diện tích 357,7m² tại phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 06/09/2017 cho ông Đặng Văn Đ và bà Lê Thị L để Công ty T vay vốn. Bà V cam kết Công ty T sẽ trả các khoản nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn Đ và bà Lê Thị L trình bày: Thửa đất số HH, tờ bản đồ số KK, diện tích 357,7m² tại phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/09/2017 cho ông Đặng Văn Đ và bà Lê Thị L. Ông bà có ký vào Hợp đồng thế chấp để Công ty T vay vốn của NGÂN HÀNG S. Ông bà cũng hiểu rõ hậu quả của việc thế chấp khi Công ty T không trả được vốn vay. Tuy nhiên do trước đây, ông bà đã nhiều lần thế chấp để Công ty T vay vốn và đã thanh toán đầy đủ nên ông bà tiếp tục thế chấp để Công ty T vay vốn. Hơn nữa, ông bà cho rằng bà V là Giám đốc Công ty T có nhiều tài sản. Trong trường hợp Công ty T không trả được nợ, ông bà không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp vì bà V còn có nhiều tài sản khác nữa nên không thể phát mãi tài sản của ông bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị N2, anh Đặng Văn K trình bày: Các anh chị là con của ông Đặng Văn Đ và bà Lê Thị L và hiện đang sống cùng ông Đ và bà L tại thửa đất số HH, tờ bản đồ số KK. Chị N, chị N2, anh K biết việc ông Đ và bà L có thế chấp thửa đất trên để Công ty T vay vốn tại NGÂN HÀNG S. Trong trường hợp Công ty T không trả được số tiền nợ thì các anh chị không đồng ý phát mãi tài sản đã thế chấp do bà V, chủ Công ty T vẫn còn các tài sản khác nên đề nghị phát mãi tài sản của bà V.

Ngày 06/5/2022, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 35 và tài sản gắn liền với đất, tại phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế và tài sản trên đất, xác định thửa đất này chính là thửa đất mà ông Đ, bà L thế chấp quyền sử dụng đất để Công ty T vay vốn ngân hàng. Thửa đất này hiện nay không có tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong vụ án dân sự như sau:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, còn trong thời hiệu khởi kiện, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng; quá trình xác minh, thu thập chứng cứ cũng như việc xét xử tại phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật, bị đơn nhiều lần vắng mặt nên cần xét xử theo quy định

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty T phải trả cho NGÂN HÀNG S số tiền 268.048.472đồng, trong đó: tiền gốc là 218.477.820đồng, tiền lãi: 49.570.652đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 07/9/2022 theo hợp đồng cho đến khi trả xong các khoản nợ. Trong trường hợp Công ty T không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên thì NGÂN HÀNG S có quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Sau khi nhận tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, phía bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên phía nguyên đơn khởi kiện là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn đến phiên tòa như Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng tín dụng số 362/2019/HĐHM-PN/NGÂN HÀNG S.120600 ngày 23/09/2019 giữa bên cho vay là NGÂN HÀNG S chi nhánh Huế và bên vay Công ty T được ký kết có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 385, 398 và 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 90, 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng nên hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, NGÂN HÀNG S chi nhánh Huế đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã tiến hành giải ngân khoản vay, Công ty T đã nhận tiền theo giấy nhận nợ và các chứng từ giao dịch, số tiền 650.000.000đồng. Công ty T chỉ trả được 584.281.520đồng, trong đó số tiền gốc 431.522.180đồng và tiền lãi 152.759.340 đồng , số còn lại, Công ty T vẫn chưa trả cho Ngân hàng (tính đến ngày 06/9/2022).

Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn nên đã vi phạm về thời hạn trả nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của NGÂN HÀNG S buộc Công ty T phải thanh toán các khoản nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 06/9/2022) là 268.048.472đồng, trong đó: tiền gốc là 218.477.820đồng, tiền lãi: 49.570.652đồng) và các khoản lãi phát sinh từ ngày tiếp theo (ngày 07/9/2022) theo hợp đồng cho đến khi trả xong các khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của NGÂN HÀNG S, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 376/2017/HĐTC-BTB/NGÂN HÀNG S.120600 ngày 12/09/2017, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL 01-376/2017/HĐTC-BTB/NGÂN HÀNG S.120600 ngày 08/09/2018, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL 02-376/2017/HĐTC-BTB/NGÂN HÀNG S.120600 ngày 23/09/2019, được công chứng tại phòng công chứng A, tỉnh Thừa Thiên Huế, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H ngày 12/09/2017. Các Hợp đồng này đã bảo đảm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch theo quy định tại Điều 298 Bộ Luật dân sự năm 2015 và được công chứng theo đúng quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Thửa đất số HH, tờ bản đồ số KK tại phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CG 316693, sổ vào sổ cấp GCN: CS00470 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 06/09/2017 cho ông Đặng Văn Đ và bà Lê Thị L, hiện thửa đất không có tranh chấp.

Do vậy, trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì NGÂN HÀNG S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận của các bên quy định tại Điều 5 Hợp đồng thế chấp ngày 12/9/2017 và Điều 299 Bộ luật dân sự.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Căn cứ vào Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc Công ty T phải chịu 2.000.000đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. NGÂN HÀNG S đã nộp đủ số tiền này nên Công ty T phải trả lại cho NGÂN HÀNG S số tiền 2.000.000đồng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, buộc Công ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho NGÂN HÀNG S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 158, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 385, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 90, 91 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng S số tiền nợ tính đến ngày 06/9/2022 là 268.048.472 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu không trăm bốn mươi tám ngàn bốn trăm bảy mươi hai đồng chẵn), trong đó: tiền gốc là 218.477.820 đồng, tiền lãi: 49.570.652 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2022), Công ty T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng S thì lãi suất mà Công ty T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng S.

Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 376/2017/HĐTC-BTB/NGÂN HÀNG S.120600 ngày 12/09/2017, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL 01-376/2017/HĐTC-BTB/NGÂN HÀNG S.120600 ngày 08/09/2018, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL 02-376/2017/HĐTC-BTB/NGÂN HÀNG S.120600 ngày 23/09/2019 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 5 tờ bản đồ số 35 có diện tích 357,7m². Địa chỉ thửa đất: phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CG 316693, sổ vào sổ cấp GCN: CS00470 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 06/09/2017 cho ông Đặng Văn Đ và bà Lê Thị L.

2. Về án phí: Buộc Công ty T phải chịu 13.402.424 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng S số tiền 15.674.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số AA/2021/0001073 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty T phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng S đã nộp đủ số tiền này nên buộc Công ty T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng S số tiền 2.000.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- THADS thị xã Hương Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Thảo

